

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06- 3-2024

*“V/v ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Quách Minh Tấn.

2- Bà Nguyễn Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 286/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 17/9/1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N.Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Lương Tiến D, sinh ngày 27/01/1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã N.Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị S và anh Lương Tiến D kết hôn với nhau năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/10/2021, vợ chồng về chung sống đến năm 2023 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cự cãi nhau làm cho vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, từ đó vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay. Nay chị xét thấy

tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Lương Tiến D.

Về con chung: Có 01 người con tên Lương Ngọc T, sinh ngày 26/4/2014, hiện nay sống với anh D. Khi ly hôn chị đồng ý giao con lại cho anh D nuôi dưỡng và chị sẽ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2023 bị đơn anh Lương Tiến D trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu S kết hôn với nhau năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yên ngày 29/10/2021, vợ chồng chung sống đến năm 20123 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi nhau từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu S.

Về con chung: Có 01 người con tên Lương Ngọc T, sinh ngày 26/4/2014, hiện nay sống với anh D. Nay anh đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thu S vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lương Tiến D.

Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Lương Ngọc T, sinh ngày 26/4/2014 cho anh D nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D tự nguyện ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D giao cháu cháu Lương Ngọc T, sinh ngày 26/4/2014 (theo nguyện vọng của cháu T) cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Lương Tiến D được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ nhất mà vẫn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, anh D đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D kết hôn với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/10/2021 nên hôn nhân của chị S và anh D là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, vợ chồng về chung sống đến năm 2023 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi với nhau nên vợ chồng đã ly thân cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị S và anh D đã tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D là giao cháu cháu Lương Ngọc T, sinh ngày 26/4/2014 (theo nguyện vọng của cháu T) cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy, chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D là giao cháu cháu Lương Ngọc T, sinh ngày 26/4/2014 (theo nguyện vọng của cháu T) cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị S có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị S và anh D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Lương Tiến D thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số: 0008970 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy, chị S đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị S có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/3//2024). Đối với anh D vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm

